

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/DS-PT

Ngày 03 - 6 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán:

Bà Đào Thị Huệ

Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Vân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Hoàng Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 5 và ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLPT-DS ngày 27/02/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 07/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐ-PT ngày 13/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3;

Địa chỉ: số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng Giám đốc (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thiên H – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N3, Chi nhánh B (vắng mặt); ông Lai Hồng P – Phó Giám đốc Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N3, Chi nhánh B (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Thiện H1, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thiện H1: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 1 đường số A, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Ngọc N: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 1 đường số A, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lý Việt H2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Võ Trường N1, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: số C N, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Võ Trường N1: Ông Nguyễn Duy Đ - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N – là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 và người đại diện hợp pháp thống nhất trình bày:

Ngày 23/8/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 (gọi tắt là V) và ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N có ký Hợp đồng cho vay số TD-HDTD/23-173, theo nội dung hợp đồng, ông H1 và bà N vay của V số tiền: 530.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 180 tháng; lãi suất cho vay: 10,5%/năm; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Thời hạn trả nợ: Nợ gốc, lãi trả hàng tháng. Từ kỳ 1 đến kỳ 179 mỗi kỳ trả 2.900.000 đồng, kỳ cuối trả hết số gốc còn lại.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông H1 và bà N đã thế chấp cho V quyền sử dụng đất diện tích 1.123,1m² thửa số 260, tờ bản đồ 67 tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 444070 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/7/2022, số vào sổ cấp giấy CS05343, đứng tên bà Hồ Thị Ngọc N, ông Trần Thiện H1. Hợp đồng thế chấp số 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023 được công chứng số 1611, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 24/8/2023.

Ngày 24/8/2023 V đã giải ngân số tiền 530.000.000 đồng cho ông H1 và bà N. Ông H1, bà N ký giấy nhận nợ và ủy nhiệm chi toàn bộ số tiền 530.000.000

đồng cho ông Võ Trường N1 số tài khoản 7907367676 tại V ngày 24/8/2023. Ông H1 và bà N trả nợ gốc và lãi được 4 kỳ: 24/9/2023, 24/10/2023, 24/11/2023 và 24/12/2023; bắt đầu từ kỳ 24/01/2024 trở đi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở.

Vì vậy V khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà N thanh toán nợ cả gốc và lãi cho V với tổng số tiền tính từ ngày 25/12/2023 đến ngày 07/11/2024 là 561.936.419 đồng, trong đó dư nợ gốc là 518.324.936 đồng, nợ lãi là 43.041.794 đồng, nợ lãi quá hạn là 569.689 đồng; yêu cầu trả tiền lãi tiếp theo từ ngày 08/11/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Trong trường hợp ông H1 và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì V yêu cầu được quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 có đơn yêu cầu phản tố đề nghị hủy Hợp đồng tín dụng, hủy Hợp đồng thế chấp đã ký với V, không đồng ý trả nợ và yêu cầu V bồi thường chi phí đi lại. V xác định đã thực hiện đúng quy trình cho vay vốn, nhận thế chấp tài sản, do đó không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông H1.

2. Theo đơn phản tố và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Thiện H1 và người đại diện hợp pháp là ông Huỳnh Minh T1 trình bày:

Ngày 23/8/2023, ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N có ký Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 với V. Theo đó, ông H1 và bà N vay của Ngân hàng số tiền 530.000.000 đồng; thời hạn vay 180 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích 1.123,1m², thửa đất số 260, tờ bản đồ số 67 tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Hợp đồng thế chấp 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023. Thực tế ông H1 và bà N không nhận số tiền vay. Quá trình ký kết hợp đồng thì nhân viên ngân hàng lập hồ sơ tên Lý Việt H2 soạn sẵn Giấy ủy nhiệm chi để ghi có tài khoản 7907367676, tên Võ Trường N1 tại ngân hàng V, nội dung: “Hồ Thị Ngọc N thanh toán tiền mua hàng tiêu dùng Seller ID: LAX- Lý Việt H2.”

Theo giải thích của nhân viên ngân hàng thì qua hình thức mua hàng và ủy nhiệm chi này để ngân hàng chấp nhận giải ngân và sau đó thì anh Võ Trường N1 sẽ chuyển toàn bộ số tiền này lại cho bà Hồ Thị Ngọc N. Nhưng ông H1 và bà N không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ ông N1. Ông H1 và bà N không quen biết ông Võ Trường N1, không mua hàng hóa hay có bất cứ giao dịch nào với ông Võ Trường N1. Ông H1 và bà N chỉ biết ông Lý Việt H2 là nhân viên ngân hàng, không mua hàng hóa hay có bất cứ giao dịch nào với cá nhân ông Lý Việt H2.

Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ ông H1 và bà N phải trả số tiền gốc là 530.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, ông H1 và bà N không đồng ý.

Ông Trần Thiện H1 có đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tín dụng số TD-HDTD/23-173 và giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng vay ghi số tiền là 530.000.000 đồng; hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023; buộc V phải bồi thường thiệt hại cho ông H1 và bà

N chi phí đi lại giao dịch và tài sản thế chấp không đạt được mục đích với tổng số tiền tạm tính là 30.000.000 đồng.

3. Quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn bà Hồ Thị Ngọc N trình bày:

Đồng ý với trình bày của bị đơn ông Trần Thiện H1 và không bổ sung gì thêm.

4. Quá trình tố tụng tại Toà án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Việt H2 trình bày:

Ông H2 từng là nhân viên của V. Vào tháng 7 năm 2023, thông qua ông Võ Trường N1 giới thiệu ông H1 và bà N, ông H2 có làm thủ tục cho ông H1 và bà N vay số tiền 530.000.000 đồng tại V. Ngày 23/8/2023, giữa ông H1, bà N và V ký Hợp đồng tín dụng số TD-HDTD/23-173 và giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng vay ghi số tiền là 530.000.000 đồng. Khi thực hiện thủ tục để ông H1, bà N vay tiền, ông H2 đã làm đúng theo quy định của Ngân hàng. Việc một mình bà N đứng tên ủy nhiệm chi là phù hợp với quy định của Ngân hàng vì ủy nhiệm chi từ tài khoản của bà N. Việc giao dịch giữa ông H1 và bà N với ông N1 như thế nào thì ông H2 không biết vì đây là việc cá nhân của các bên.

5. Quá trình tố tụng tại Toà án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trường N1 thông qua người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Duy D trình bày:

Hợp đồng tín dụng số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023 giữa ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N với V là hợp đồng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Việc xem xét và thẩm định duyệt hồ sơ vay theo đúng quy trình thủ tục do Ngân hàng đề ra. Khi ký kết hợp đồng, ông H1, bà N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tính từ ngày 24/8/2023 đến ngày 24/12/2023, ông H1 và bà N có thực hiện việc thanh toán tiền gốc và lãi nên không thể nói việc giải ngân sai đối tượng. Chỉ có bà N ký vào ủy nhiệm chi để chuyển tiền cho ông N1 vì ủy nhiệm chi không nhất thiết có xác nhận của ông H1. Mặt khác, khi ký Giấy ủy nhiệm chi, ký Hợp đồng thế chấp tại Văn phòng C có mặt ông H1.

Việc ông H1 và bà N chuyển tiền cho ông N1 là theo thỏa thuận trước đó với bà Lê Thị Kim N2. Vì thực tế, ông H1 và bà N vay tiền của bà Lê Thị Kim N2, sinh năm 1990, trú tại Thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các bên thỏa thuận ông H1 và bà N chuyển số tiền vay 530.000.000 đồng cho ông N1, sau đó ông N1 sẽ chuyển số tiền 370.700.000 đồng cho bà N2, số tiền còn lại là 129.300.000 đồng ông N1 sẽ trả tiền lãi tại các ngân hàng khác thay cho bà N2. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 07/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N có trách nhiệm thanh toán cho V số tiền tính đến ngày 07/11/2024 là 561.936.419 đồng, trong đó dư nợ gốc là 518.324.936 đồng, nợ lãi là 43.041.794 đồng, nợ lãi quá hạn là 569.689 đồng.

Ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay theo mức lãi tại hợp đồng cho vay số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023 giữa V và ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N.

Trường hợp ông H1 và bà N không trả hết nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.123,1m², thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 67, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 444070 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 28/7/2022, số vào sổ cấp giấy CS05343 đứng tên bà Hồ Thị Ngọc N, ông Trần Thiện H1 cùng tài sản gắn liền với đất, để thu hồi nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện H1 về việc hủy Hợp đồng tín dụng TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023, Hợp đồng thế chấp số 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023 giữa V và ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện H1 về việc yêu cầu V bồi thường thiệt hại 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

7. Nội dung kháng cáo:

Ngày 25/11/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N có nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

8. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

9. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

82/2024/DS-ST ngày 07/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N thì thấy:

[2.1] Xét tính có hiệu lực của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023:

Ngân hàng TMCP N3 và ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N cùng xác nhận giữa các bên có ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023. Theo đó, Ngân hàng cho ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N vay số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng; Mục đích vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất cho vay: 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Thời hạn trả nợ gốc, lãi: hàng tháng từ kỳ 1 đến kỳ 179 mỗi kỳ trả 2.900.000 (hai triệu chín trăm ngàn) đồng, kỳ cuối trả hết số gốc còn lại. Ông H1 và bà N đã ký giấy nhận nợ số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng với Ngân hàng thương mại cổ phần N3. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1, người đại diện theo ủy quyền của bà N và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cùng xác nhận: Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023 có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của ông H1, bà N về việc hủy Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023 thì thấy:

Ông H1, bà N cho rằng Ngân hàng đã giải ngân sai đối tượng, bà N, ông H1 không nhận được số tiền vay 530.000.000 đồng; đồng thời nhân viên Ngân hàng lập khống hồ sơ mua bán hàng hóa với ông Võ Trường N1.

Thứ nhất, tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/08/2023 thể hiện: Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống (thanh toán tiền mua hàng tiêu dùng). Để chứng minh cho mục đích sử dụng vốn, bà N, ông H1 cung cấp Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-2023 ngày 10/8/2023 giữa bên bán – ông Võ Trường N1, bên mua – bà Hồ Thị Ngọc N về việc thi công nội thất và ngoại thất, với giá trị là 581.950.000 đồng và phía bị đơn cũng thừa nhận chữ ký của bà Hồ Thị Ngọc N (vợ của ông Trần Thiện H1) trong hợp đồng mua bán này. Phía bị đơn cho rằng hợp đồng mua bán nói trên do các bên lập không để được Ngân hàng cho vay còn trên thực tế vợ chồng ông H1, bà N không quen biết hay có bất cứ giao dịch nào với ông N1. Tuy nhiên tại Điều 16 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N4 quy định: “*Khách hàng cung cấp thông tin cho tổ chức tín dụng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các tài liệu gửi cho tổ chức tín dụng*”. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn thừa nhận việc cung cấp cho Ngân hàng hợp đồng mua bán hàng hóa có chữ ký của bà N, ông N1 nhưng lại không có yêu cầu độc lập gì đối với ông N1 về hợp đồng mua bán hàng hóa đó. Đồng thời, các đương sự đều thừa nhận bà N có ký vào ủy nhiệm chi ngày 24/8/2023 để chuyển toàn bộ số tiền 530.000.000 đồng vào số tài khoản 7907367676, chủ tài khoản là ông Võ Trường N1. Bà N, ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có sự cấu kết giữa nhân viên Ngân hàng là ông Lý Việt H2 với ông N1 để nhằm chiếm đoạt tài sản của bà N, ông H1. Do đó, không có căn cứ để xác định nhân viên ngân hàng đã lập không hợp đồng mua bán hàng hóa như bị đơn trình bày.

Thứ hai, ngày 24/8/2023, bà N ký ủy nhiệm chi để chuyển số tiền vay 530.000.000 đồng vào số tài khoản 7907367676, chủ tài khoản là ông Võ Trường N1 và ông N1 cũng thừa nhận tài khoản của ông N1 mở tại Ngân hàng TMCP N3, chi nhánh B đã được Ngân hàng chuyển số tiền 530.000.000 đồng vào ngày 24/8/2023. Đến 22:24:27 ngày 24/8/2023, số điện thoại 0983466907 (thuê bao của bà Hồ Thị Ngọc N) nhận được tin nhắn từ mạng Viettel có nội dung: “*Quý khách đã nhận nợ số tiền 530.000.000 VND từ tài khoản vay 001040336311. Kỳ hạn 180 tháng. Ngày đến hạn 24/8/2038*”, tình trạng: *gửi thành công*”. Sau khi nhận được tin nhắn thông báo trên, không thấy tiền vay được chuyển vào tài khoản của mình trong thời gian dài mà bà N, ông H1 cũng không có ý kiến hay thắc mắc gì với V. Như vậy, có căn cứ xác định, Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền vay 530.000.000 đồng vào tài khoản của ông N1 là đúng trách nhiệm của bên cho vay, đúng yêu cầu của bà N và đúng đối tượng người nhận.

Nay, ông H1, bà N cho rằng ông H1, bà N không được ông N1 giao lại toàn bộ số tiền vay 530.000.000 đồng thì thấy: Ông H1 và bà N xác nhận có vay, có ký nhận nợ Ngân hàng thương mại cổ phần N3 số tiền 530.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số TD-HDTD/23-173 ngày 23/08/2023. Ông H1, bà N đồng ý thế chấp thửa đất số 260 tờ bản đồ số 67, diện tích 1.123,1m² tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Ngân hàng thương mại cổ phần N3 theo Hợp đồng thế chấp số 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023 và được công chứng số 1611, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 24/8/2023. Do đó, việc bà N, ông H1 không được nhận tiền vẫn phù hợp với mục đích vay tiền được thể hiện trong hợp đồng tín dụng (thanh toán tiền mua hàng). Như vậy, ông H1, bà N kháng cáo về việc không nhận tiền vay và cho rằng Ngân hàng thương mại cổ phần N3 chuyển tiền sai người nên đề nghị hủy hợp đồng cho vay số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023, hợp đồng thế chấp số 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023 là không có cơ sở.

Trường hợp, nếu giữa bà N, ông H1 và ông N1 có tranh chấp về số tiền 530.000.000 đồng thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[2.3] Ông H1, bà N kháng cáo yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần N3 bồi thường chi phí đi lại giao dịch và tài sản thế chấp không đạt được mục đích với tổng số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, người đại diện của ông H1 liệt kê thiệt hại 07 lần đi từ Tiền Giang đến Tòa án mất 10.000.000 (mười triệu) đồng; chi phí thuê Luật sư 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, như đã nhận định phần trên, giao dịch cho vay, thế chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N3 và ông H1, bà N là tự nguyện, đúng quy định, Ngân hàng không có lỗi trong việc giao kết và thực hiện Hợp đồng cho vay số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố nói trên. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn ông H1, bà N là có căn cứ.

[2.4] Sau khi được giải ngân số tiền vay 530.000.000 đồng; ông H1 và bà N trả nợ gốc và lãi được 4 kỳ: 24/9/2023, 24/10/2023, 24/11/2023 và 24/12/2023. Bắt đầu từ kỳ 24/01/2024 trở đi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận và nợ gốc, lãi cho đến nay. Như vậy, có căn cứ để xác định ông H1, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó Tòa án sơ thẩm buộc ông H1, bà N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N3 số nợ đến ngày 07/11/2024 là 561.936.419đ (Năm trăm sáu mươi một triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm mười chín đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 518.324.936 đồng; Nợ lãi: 43.041.794 đồng; Nợ lãi quá hạn: 569.689 đồng và trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản vay, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên là đúng với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 07/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; cụ thể:

Áp dụng: Điều 272, 273, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 299, 317 Bộ luật dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 số tiền tính đến ngày 07/11/2024 là 561.936.419đ (Năm trăm sáu mươi một triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm mười chín đồng); trong đó: Dư nợ gốc 518.324.936 đồng; Nợ lãi 43.041.794 đồng; Nợ lãi quá hạn 569.689 đồng.

Ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay theo mức lãi tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 và ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N.

Trường hợp ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N không trả hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.123,1m², thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 67, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 444070 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 28 tháng 07 năm 2022, sổ vào sổ cấp giấy CS05343 cho bà Hồ Thị Ngọc N, ông Trần Thiện H1 cùng tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện H1 về việc hủy Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-HDTD/23-173 ngày 23/8/2023, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23-173/VCB.BR ngày 23/8/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 và ông Trần Thiện H1, bà Hồ Thị Ngọc N; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện H1 về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 bồi thường thiệt hại 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N phải chịu 26.477.000đ (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Ông Trần Thiện H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.350.000đ (Một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001460, 0001461, 0001462 ngày 23/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa; ông H1 còn phải nộp 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.366.000đ (Mười hai triệu, ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001313 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Thiện H1 và bà Hồ Thị Ngọc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003426 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa; ông H1, bà N đã nộp xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03/6/2025).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. Bà Rịa;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long

